TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHATRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** **————————————**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 3 năm 2022
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Ngọc Yến Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đào Thanh Tùng**
Ông **Lưu Văn Có**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Viết Lãm** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1211/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C** – Sinh năm: 1975
ĐKHKTT: 538/10/1 LHP, phường PL, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ liên lạc: 134 TP, phường VN, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* Bị đơn Bà **Phạm Thị M** – Sinh năm: 1975
ĐKHKTT: 538/10/1 LHP, phường PL, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày*:

Tôi và cô Phạm Thị M kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước H, thành phố Nha Trang. Chúng tôi chung sống với nhau 20 năm và có được 02 con chung. Đến năm 2020, tôi có quan hệ với người phụ nữ khác và tự nhận thấy có lỗi lầm với cô M nên tôi đã về xin lỗi gia đình. Cô M nói đồng ý tha thứ cho tôi nhưng thực tế, suốt ngày cô M dùng lời lẽ xúc phạm, liên tiếp hành hạ tôi về mặt tinh thần, làm tôi không thể chấp nhận được cuộc sống như vậy nữa. Đến giữa năm 2020, tôi đã khởi kiện yêu cầu ly hôn cô M; Sau khi được Tòa án hòa giải, tôi đã tự nguyện rút đơn để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chúng tôi đã sống ly thân

được gần 02 năm nay. Tôi nhận thấy không còn tình cảm với cô M, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án cho tôi ly hôn với cô M.

Về con chung: Chúng tôi có 02 *(Hai)* con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày: 13/5/2001 và cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày: 11/8/2011. Tôi đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày: 11/8/2011 cho cô M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, đến khi cháu S tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Phạm Thị M trình bày:*

Tôi thống nhất với lời trình bày của anh C về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống với nhau 20 năm không hề xảy ra mâu thuẫn gì gay gắt. Đến khoảng năm 2019, tôi phát hiện anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng tôi sẵn sàng tha thứ, mong mỏi anh C suy nghĩ lại để quay về với vợ con. Tuy nhiên, anh C vẫn không nghe lời khuyên can của gia đình và tự dọn ra khỏi nhà để sống ly thân. Nay, anh C yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý vì tôi muốn các con tôi có đủ cha lẫn mẹ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 *(Hai)* con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày: 13/5/2001 và cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày: 11/8/2011. Trường hợp anh C nhất quyết ly hôn, tôi yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày: 11/8/2011. Tôi yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 5.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu S tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

1. Nguyên đơn - ông Nguyễn Văn C giữ nguyên nội dung khởi kiện.

2. Bị đơn - bà Phạm Thị M giữ nguyên nội dung trình bày ở trên.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Phạm Thị M. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày: 11/8/2011 cho bà Phạm Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.500.000 đồng/tháng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân và gia đình*:

[1.1] Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1999, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Phước H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01, ngày đăng ký: 27/7/1999. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, ông C thừa nhận trước đây có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng khi được mọi người khuyên can ông đã quay về chung sống với vợ con. Bà M tuy nói tha thứ nhưng thực tế mỗi ngày đều gây áp lực tinh thần, dùng lời lẽ tục tĩu xúc phạm danh dự của ông trước mặt các con và người lạ, dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ông ngày càng gay gắt. Ông C đã tự dọn ra khỏi nhà, vợ chồng ông sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay.

Bà M cũng thừa nhận lời trình bày của ông C về những mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông bà là đúng, nhưng bà M cho rằng tất cả những điều bà đã làm đều xuất phát từ tình yêu thương đối với chồng, muốn níu kéo để các con của bà có đủ cha mẹ, nên bà M không đồng ý ly hôn với ông C.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã rất lâu; đồng thời, cũng nhiều lần tạo điều kiện cho ông bà hòa giải, đoàn tụ nhưng vẫn không đạt kết quả. Tại tòa, ông C xác định không còn tình cảm với bà M, mâu thuẫn của vợ chồng ông đã rất gay gắt và nếu cùng chung sống có thể sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Vì vậy, ông C nhất quyết yêu cầu ly hôn.

[1.3] Qua lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà M không hạnh phúc là do ông C không chung thủy, dẫn đến các bên có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau; Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị M có 02 *(Hai)* con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày: 13/5/2001 và cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày: 11/8/2011.

Cháu Nguyễn Ngọc H - sinh ngày: 13/5/2001, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại Tòa, bà M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc S - sinh ngày: 11/8/2011. Ông C đồng ý giao cháu S cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu S là được sống cùng với mẹ. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Căn cứ Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại tòa, ông Nguyễn Văn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc S với số tiền 2.500.000 đồng/tháng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng/tháng)*. Bà Phạm Thị M không đồng ý và yêu cầu ông C pH cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng/tháng *(Năm triệu đồng/tháng)*.

Tòa xét: Theo giấy xác nhận lương đề ngày 01/12/2021 của Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa, mức lương trung bình của ông Nguyễn Văn C là 8.000.000 đồng/tháng *(Tám triệu đồng/tháng)*. Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của ông

C và nhu cầu thiết yếu của cháu S, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà M không có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy số tiền 2.500.000 đồng/tháng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng/tháng)* mà ông C tự nguyện cấp dưỡng đối với cháu S là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn C pH nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (Nghĩa vụ cấp dưỡng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà ông đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0017606 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông Nguyễn Văn C pH nộp thêm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Phạm Thị M.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày: 11/8/2011 cho bà Phạm Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau ly hôn.

Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. *Về cấp dưỡng:* Ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày: 11/8/2011, với số tiền 2.500.000 đồng/tháng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng/tháng),* kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu S tròn 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con chung.

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

5. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn C pH nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (Nghĩa vụ cấp dưỡng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà ông đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0017606 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, ông Nguyễn Văn C pH nộp thêm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

7. *Quy định*: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên pH thi hành án chậm trả tiền thì pH trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Yến Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND phường Phước H, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 70, ngày 27/7/1999);
- Lưu: Án văn + hồ sơ.